

BIÊN BẢN
Niêm yết các nội dung công khai
Năm học 2022-2023

Hôm nay, vào hồi 14h20 ngày 05 tháng 9 năm 2022

Tại Văn phòng trường mầm non An Dương.

- 1- Đ/C Phạm Thị Thoa - Hiệu trưởng.
- 2- Đ/c Đoàn Kim Nhung - Phó hiệu trưởng- CTCD
- 3- Đ/c Nguyễn Thị Mai Hiếu - Phó hiệu trưởng.
- 4 - Đ/c Trần Thị Hồng Vân - Kế toán.
- 5 - Đ/c Bùi Thị Duyên - GV kiêm thủ quỹ.
- 6- Đ/c Trương Thị Kim Quyên - GV- Trưởng Ban TTND.
- 7- Đ/c Phạm Thị Tuyết - Trưởng ban đại diện HCMHS

Lập biên bản về việc niêm yết các nội dung công khai năm học 2022-2023 của trường mầm non An Dương bằng hình thức niêm yết tại trường học.

Trường mầm non An Dương niêm yết các nội dung công khai năm học 2022-2023 như sau .

A - Chất lượng giáo dục của cơ sở mầm non (Biểu mẫu 01)

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Tỷ lệ trẻ đạt sức khỏe loại I : 99,8%. Tỷ lệ cân nặng/ chiều cao kênh bình thường: 99,2% giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân béo phì. Tỷ lệ trẻ có kỹ năng vệ sinh ăn uống tự phục vụ: 99,3%	
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình GDMN (Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/2/2016 của	Chương trình GDMN (Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
		Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)	ngày 30/2/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- 100% trẻ được theo dõi đánh giá sự phát triển theo quy định của độ tuổi, 98 % trẻ đạt về các mặt đúng độ tuổi, còn lại cần cố gắng.	- 100% trẻ được theo dõi đánh giá sự phát triển theo quy định của từng độ tuổi, 98,5% trẻ đạt về các mặt đúng độ tuổi, còn lại cần cố gắng.

B - Chất lượng giáo dục mầm non thực tế (Biểu mẫu 02)

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	483			71	109	140	163
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	483			71	109	140	163
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	483			71	109	140	163
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	483			71	109	140	163
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	483			71	109	140	163
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	473			70	106	136	161
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	4			1	1	2	0

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	476			70	106	136	164
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	5			2	0	3	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	8			2	0	2	4
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	483			71	109	140	163
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	71			71			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	412				109	140	163

C- Thông tin về cơ sở vật chất (Biểu mẫu 03)

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	BÌNH QUÂN
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
	Phòng học kiên cố	14	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.635,7	9,9
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.969	4,2
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	2999	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	794	1,7
2	Diện tích phòng ngủ	794	1,7
3	Diện tích phòng vệ sinh	108,2	0,2
4	Diện tích hiên chơi	589,2	1,3
5	Diện tích phòng giáo nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng	597	1,3
6	Diện tích nhà bếp và nhà kho	117	0,2
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	14	14 /14
1	Số thiết bị, đồng dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	14	1,0
2	Số thiết bị, đồng dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0,0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	23	
IX	Tổng số thiết bị điện tử - tin học đang sử dụng phục vụ học tập(máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kĩ thuật số	23	

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	BÌNH QUÂN			
	v.v...)					
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)					
1	Tivi	1				
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghita, trống)	2				
3	Catsset	14	Máy vi tính			
4	Đầu video/đầu đĩa	14				
7	Bàn ghế đúng quy cách	490 ghế + 250 bàn				
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh *	2	12	176	108,2	0,231
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có				
XIII	Nguồn điện(lưới, phát điện riêng)	Có				
XIV	Kết nối internet	Có				
XV	Trang thông tin điện tử(website) của cơ sở giáo dục	Có				
XVI	Tường rào xây	Có				

D- Thông tin về chất lượng đội ngũ (Biểu mẫu 04)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp	
			ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	49	35	6	2	6	5	8	21		
I	Giáo viên	31	33	1	0		5	7	19		
1	Nhà trẻ	6	5	1				1	5		
2	Mẫu giáo	28	28				5	6	15		
II	Cán bộ quản lý	3	3					1	2		
1	Hiệu trưởng	1	1					1			
2	Phó hiệu trưởng	2	2						2		

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp	
			ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá
1	Thủ quỹ, Y tế	0									
2	Kế toán, Văn thư	2	2								
3	Thư viện	0									
4	Cô nuôi	10		5	2	3					
5	Lao công, bảo vệ	3				3					

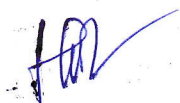
Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ 15h30 ngày 5 tháng 9 năm 2022 sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 15h30 ngày 5/10/2022 (30 ngày liên tục)

Thực hiện niêm yết công khai một số nội dung đầu năm học 2022-2023 của trường mầm non An Dương niêm yết tại Bảng công khai treo ở mảng tường phía sau phòng bảo vệ nơi thuận tiện cho CB, GV, NV trong nhà trường, phụ huynh học sinh được biết.

Việc niêm yết này được thực hiện trong thời gian 30 ngày ngày liên tục theo đúng thời gian quy định, kết thúc sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

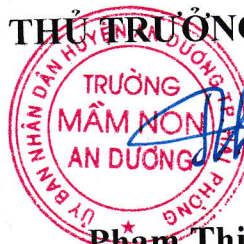
Biên bản lập xong hồi 15h30 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Trần Thị Hồng Vân

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phạm Thị Thoa

Đại diện HCMHS



Phạm Thị Tuyết

Các thành viên:

1. Nguyễn Thị Mai Hiếu . 

2. Đoàn Kim Nhung 

3. Bùi Thị Duyên 

4. Trương Thị Kim Quyên.